

Bản án số: 129/2025/HS-PT

Ngày: 28-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Viết Hùng

2. Ông Phan Thanh Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 42/2025/HSPT ngày 24 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Đức T do có kháng cáo của bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 192/2024/HS-ST ngày 20-9-2024 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Đức T; giới tính: Nam; sinh năm 2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Số A C, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số, cạnh số I C1, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn V và con bà Nguyễn Thị Kim O; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ và có 01 người con (sinh năm 2023); Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/3/2024 đến ngày 23/3/2024 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

(Trong vụ án này còn có bị hại là bà Nguyễn Thị P không có kháng cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T làm thuê tại vừa gạo A (địa chỉ: H thuộc nhà lồng H, chợ B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) do ông Nguyễn Thanh C1 làm chủ, nhiệm vụ của T là đi giao gạo cho khách hàng.

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/3/2024, ông C1 kêu T đi giao gạo cho bà Nguyễn Thị P, địa chỉ tại căn tin đối diện bãi xe nhà lồng T1 chợ B, Quận H. Khoảng 05 phút sau, T chở 01 bao gạo đến địa chỉ trên giao cho bà P và đổ gạo vào thùng nhựa giúp bà P. Lúc này, bà P đặt 01 túi xách bằng vải màu đỏ bên trong chứa tiền trên tủ màu trắng, rồi đi ra phía sau nhà. Thấy vậy, T nảy sinh lòng tham, muốn chiếm đoạt tiền của bà P. Sau đó, T dùng tay trái giữ túi xách, tay phải lấy xấp tiền bên trong túi xách là 5.800.000 đồng rồi cuộn tròn cất giấu vào quần lót của T đang mặc. Sau đó, bà P đi ra cầm túi xách, lấy tiền để trả tiền gạo cho T thì phát hiện bị mất tiền, bà P hỏi T có lấy trộm tiền không thì T trả lời không có. Do nghi ngờ T đã lấy trộm tiền, nên bà P gọi điện thoại cho ông Trương Công L (là bạn của bà P) đến yêu cầu T cởi quần áo ra để kiểm tra. Khi T cởi hết quần lót thì số tiền 5.800.000 đồng mà T lấy trộm bị rơi xuống đất. Tiếp đó, ông L và bà P đã đưa T cùng vật chứng đến Công an Phường 7, Quận 8 trình báo vụ việc, sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 8 để điều tra theo thẩm quyền. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 192/2024/HS-ST ngày 20-9-2024 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Bị cáo Nguyễn Đức T được khấu trừ vào thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 22/3/2024 đến ngày 23/3/2024 theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm đến ngày 30/9/2024 bị cáo Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nhận thấy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức án 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào khoảng 12 giờ 35 phút ngày 21/3/2024, trong lúc đi giao gạo cho bà Nguyễn Thị P tại địa chỉ: căn tin đối diện bãi xe nhà lồng T thuộc chợ B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Đức T đã lén lút chiếm đoạt số tiền 5.800.000 đồng để bên trong túi xách của bà P, rồi cuộn tròn cất giấu vào quần lót của T đang mặc. Ngay tiếp đó, bà P phát hiện bị mất tiền nên đã gọi ông Trương Công L (là bạn của bà P) đến yêu cầu T cởi quần áo ra để kiểm tra thì số tiền 5.800.000 đồng mà T giấu trong quần lót bị rơi xuống đất nên ông L và bà P đã đưa T cùng vật chứng đến Công an Phường 7, Quận 8 trình báo vụ việc.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Ngày 20/9/2024, Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 30/9/2024 bị cáo Nguyễn Đức T làm đơn kháng cáo xin hưởng án treo. Xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Đức T đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là số tiền 5.800.000 đồng. Bản thân bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi nên vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, được pháp luật bảo vệ nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử còn xem xét đến tính chất của hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: không có.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phía bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo.

Đối với việc số tiền 5.800.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt xong, nhưng sau đó bị hại phát hiện và đã thu hồi được tài sản nên trường hợp này không áp dụng tình tiết giảm nhẹ *“phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”* theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mà chỉ xem xét là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[3.3] Về nhân thân của bị cáo: nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

[3.4] Với hành vi phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 như đã nêu ở trên; bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cân nhắc, không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giữ nguyên mức hình phạt tù đã xử phạt, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo. Điều này phù hợp với Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Lập luận trên đây là căn cứ để chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải nộp.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án này ngày 20/9/2024, đến ngày 30/9/2024 bị cáo Nguyễn Đức T làm đơn kháng cáo, nhưng mãi đến ngày 24/01/2025, Tòa án nhân dân Quận 8 mới chuyển hồ sơ vụ án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để thụ lý theo thủ tục phúc thẩm là quá thời hạn

chuyển hồ sơ theo Điều 339 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 lên đến 02 tháng 27 ngày. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về trường hợp này.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T và sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Đức T** 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/3/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách mà người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 8; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- THA Quận 8; (2)
- TAND Quận 8; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng